

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 22/9/2017

V/v "Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn và tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và hủy quyết định cá biệt".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng

Ông Thân Quốc Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21 và ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2017/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 về việc: “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn và tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và hủy quyết định cá biệt”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DSST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2017/QĐ – PT ngày 29/6/2017; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 22/2017 /QĐ - PT ngày 12 tháng 7 năm 2017 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thân Quang H1, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn PH, xã SM, thành phố H, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1962; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn HV, phường TX, thành phố H, tỉnh Bắc Giang. Ở: Số nhà 253, đường TNH, phường TX, thành phố H, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Bắc Giang: Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai S – Chủ tịch; Ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H2 - Chức vụ:

Phó phòng Tài nguyên và Môi trường. (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- UBND xã SM – thành phố Bắc Giang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Đ – Chủ tịch uỷ quyền cho ông Thân Văn M – Chức vụ: Phó Chủ tịch. (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn Q – Sinh năm 1960

- Bà Phạm Thị T – sinh năm 1958

Đều đi chỉ tại: Khu 34, xã SM, thành phố H, tỉnh Bắc Giang.

-Văn phòng công chứng TL do ông Đỗ Đình T – Trưởng văn phòng đại diện Địa chỉ: Đường HVT, thành phố H, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị L2 – Sinh năm 1983 (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Hữu C – Sinh năm 1967 (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Hữu T – Sinh năm 1972 (vắng mặt);

- Bà Phạm Thị K – Sinh năm 1966 (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Thanh P – Sinh năm 1992 (vắng mặt);

- Cháu Nguyễn Như N – Sinh năm 2001 do bà K đại diện (Chị N và bà K đều vắng mặt).

Đều trú quán: Khu phố HV, phường TX, thành phố H, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn PH, xã SM, thành phố H, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ông Thân Quang H1, bị đơn Bà Nguyễn Thị L1.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang (Quyết định kháng nghị số 09/QĐKNPT – DS ngày 28/4/2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn Ông Thân Quang H1 trình bày:

Ông và Bà Nguyễn Thị L1 kết hôn năm 1987. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên ngày 19/11/2001, Tòa án nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) đã công nhận thuận tình ly hôn giữa ông và bà L1. Về tài sản do các bên không yêu cầu nên Tòa án chưa giải quyết.

Do không thỏa thuận được việc chia tài sản sau ly hôn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và Bà Nguyễn Thị L1 theo quy định của pháp luật. tài sản Ông Thân Quang H1 liệt kê và yêu cầu Tòa án chia bao gồm:

1. Đất ở diện tích 63, 6 m² tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75, địa chỉ tại Thôn PH, xã SM, thành phố H, tỉnh Bắc Giang. Trên đất có 1 nhà cấp 4 và 1 nhà bếp loại B đã cũ (Gọi là nhà đất SM).

2. 03 ngôi nhà làm trên đất của cha mẹ Bà Nguyễn Thị L1 gồm 01 nhà trần diện tích 32 m² xây dựng năm 1988 trị giá 4 triệu đồng; 01 nhà trần diện tích 30 m² xây năm 1999 trị giá 7 triệu đồng và 01 nhà cấp 4 diện tích 24 m² xây năm 1999 trị giá 2 triệu đồng. (Gọi là nhà HV)

Ông Thân Quang H1 đề nghị Tòa án chia số tài sản trên theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Tòa án xác định các tài sản trên không phải là tài sản chung của vợ chồng ông và Bà Nguyễn Thị L1, ông không yêu cầu Tòa án trích chia công sức.

Ngoài ra Ông Thân Quang H1 còn yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09/11/2010 giữa bên bán là Bà Nguyễn Thị L1 với bên mua là Ông Nguyễn Văn Q đối với nhà đất SM.

Yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01522/QĐ số: 1234/QĐ UB-Q12-T111 Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho Bà Nguyễn Thị L1

Yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00194-QĐ số 3019/QĐ-UBND-Q02-T04 ngày 08/12/2010, Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho Ông Nguyễn Văn Q.

Ông Thân Quang H1 không đồng ý đối với yêu cầu của Bà Nguyễn Thị L1 đề nghị Tòa án chia một số tài sản là tài sản chung của ông và bà L1 ông đang quản lý sử dụng gồm:

- 25 triệu đồng và 3 chỉ vàng tiền vốn;

- 02 chiếc máy hàn,

- 01 chiếc máy phun sơn,

- 01 chiếc máy cắt,

- 01 chiếc máy mài,

- 01 chiếc đe sắt con rùa,

- 06 thanh sắt dây làm hàng sắt,

- 01 chiếc quạt,

- 01 chiếc giường lim,

- 01 chiếc tủ sắt,

- 02 vụn gạch và xi măng,

- 01 lô đất mua của nhà bà T – T ông đã bán cho nhà chị Thân Thị D được 18.500.000 đồng.

Ông Thân Quang H1 thừa nhận sau khi ly hôn với bà L1, ông chỉ quản lý sử dụng các tài sản chung của ông và bà L1 bao gồm:

- 01 chiếc máy khoan,
- 01 chiếc máy hàn,
- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream do Trung Quốc sản xuất.

Đối với các tài sản ông quản lý sau ly hôn này, trong quá trình giải quyết vụ án, năm 2003 Tòa án đã định giá toàn bộ. Tổng giá trị tài sản được định giá là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Hiện nay, các tài sản này không còn nhưng bà L1 yêu cầu chia ông đồng ý chia cho bà L1 bằng tiền căn cứ vào giá mà hội đồng đã định giá vào năm 2003.

Ông Thân Quang H1 không đồng ý với yêu cầu của Bà Nguyễn Thị L1 đề nghị Tòa án chia đất mà hiện tại ông và vợ 2 là Bà Nguyễn Thị H3 đang ở tại Thôn PH, xã SM, thành phố H, tỉnh Bắc Giang. Vì diện tích đất này, Ủy ban nhân dân xã SM giao thầu cho ông năm 2002 sau khi ông và bà L1 đã ly hôn nên không liên quan đến bà L1. Năm 2007, gia đình ông đã làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Ông Thân Quang H1 không đề nghị Tòa án tiến hành định giá lại và đề nghị Tòa án lấy giá mà Hội đồng đã định giá năm 2003 làm căn cứ giải quyết vụ án.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà công nhận lời khai của Ông Thân Quang H1 về thời gian kết hôn, quá trình giải quyết ly hôn giữa bà và ông H1 trình bày là đúng.

Tuy vậy, Bà Nguyễn Thị L1 không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn của Ông Thân Quang H1 và trình bày ý kiến;

- Nhà đất SM ông H1 yêu cầu chia là tài sản riêng của bà mua của ông Nguyễn Tiến C1 từ năm 1996 trong thời gian hai vợ chồng chưa ly hôn nhưng đã ly thân. Do kinh tế gia đình ông H1 nắm giữ toàn bộ nên bà đã phải vay tiền của nhiều người như bà T4 ở Lê Lợi 9.000.000 đồng, vay bà S1 ở phường TNH 20.000.000 đồng, vay ông bà N - N 8.000.000 đồng, vay chị H4 ở đường NC 1.200.000 đồng, và vay ông N2 ở lò vôi MĐ một số tiền để mua riêng nhà đất này. Số nợ này, sau khi ly hôn cá nhân bà đã trả hết cho mọi người và những người bà vay tiền này đều có giấy biên nhận công nhận bà đã trả hết nợ nên đây là tài sản riêng của bà.

Bà không đồng ý yêu cầu của Ông Thân Quang H1 đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/10/2004 Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp riêng cho bà quyền sử dụng nhà đất SM này.

Bà Nguyễn Thị L1 cũng không đồng ý với yêu cầu của Ông Thân Quang H1 đề nghị Tòa án hủy Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất SM đã ký giữa bà với Ông Nguyễn Văn Q ngày 09/11/2010 vì bà xác định đây là nhà đất của riêng bà

nên bà hoàn toàn có quyền bán cho ông Nguyễn Văn Q không liên quan gì đến Ông Thân Quang H1.

Ông Nguyễn Văn Q mua nhà đất SM của bà hợp pháp ngay thẳng, đôi bên hoàn toàn tự nguyện, bà đã nhận đủ tiền bán nhà đất và đã bàn giao nhà đất này cho vợ chồng Ông Nguyễn Văn Q theo đúng hợp đồng không liên quan gì đến Ông Thân Quang H1. Ngày 08/10/2010, ông Nguyễn Văn Q đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất này đúng quy định của pháp luật nên bà không nhất trí với yêu cầu của Ông Thân Quang H1 huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q.

- Bà cũng không đồng ý với yêu cầu của Ông Thân Quang H1 đề nghị Tòa án xác định tài sản chung của bà và ông H1 đề nghị Tòa án chia các tài sản gồm 01 căn nhà trần diện tích 32m²; 01 căn nhà trần diện tích 30 m² và 01 căn nhà cấp 4 diện tích 24 m² trên đất của cha mẹ bà tại HV, phường TX, thành phố H, tỉnh Bắc Giang vì đây là tài sản của cha mẹ bà xây dựng, trước kia có thời gian khi còn vợ chồng cha mẹ bà chỉ cho bà và ông H1 ở nhờ tại nhà này chứ đây không phải là tài sản của bà và ông H1.

Ngược lại, Bà Nguyễn Thị L1 đề nghị Tòa án xác định và chia theo quy định của pháp luật số tài sản chung của bà và ông H1 trong thời kỳ hôn nhân mà sau khi vợ chồng ly hôn, ông H1 quản lý sử dụng gồm:

1. Đất ở tại Thôn PH, xã SM vợ chồng thuê năm 2001, sau đó Ủy ban nhân dân xã SM đã bán thanh lý cho vợ chồng bà và ông H1. Sau này, ông H1 nộp nốt số tiền mua đất còn lại sau khi đã được Nhà nước trừ cho số tiền bà và ông H1 đã đóng khi vợ chồng còn chung sống. Đất này hiện ông H1 và vợ 2 ông H1 là Bà Nguyễn Thị H3 đang ở và đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Các tài sản khác gồm:

- 25 triệu đồng và 3 chỉ vàng tiền vốn;
- 02 chiếc máy hàn,
- 01 chiếc máy khoan,
- 01 chiếc máy phun sơn,
- 01 chiếc máy cắt,
- 01 chiếc máy mài,
- 01 chiếc đe sắt con rùa,
- 06 thanh sắt dây làm hàng sắt,
- 01 chiếc xe mô tô Dream nhãn hiệu Trung Quốc,
- 01 chiếc quạt,
- 01 chiếc giường lim,
- 01 tủ sắt,

- 02 vụn gạch và xi măng,

- 01 lô đất mua của nhà bà T - T ông đã bán cho nhà chị Thân Thị D được 18.500.000 đồng.

Đối với số nợ bà có vay của một số người bà đã khai trước đây, bà xác định là nợ riêng của bà và bà đã trả nợ xong nên bà không đề nghị xem xét giải quyết.

Vì vụ án xuất phát từ yêu cầu của Ông Thân Quang H1 đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng giữa bà và ông H1 chứ không phải do bà có yêu cầu trước nên mặc dù Tòa án đã yêu cầu nhưng bà không nộp tạm ứng án phí đối với các yêu cầu chia tài sản của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Văn Q khai: Ngày 09/11/2010 ông nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị L1 nhà và đất ở diện tích 63,6 m² tại Thôn PH, xã SM, thành phố H, tỉnh Bắc Giang. Ông và bà L1 đã thực hiện đầy đủ hợp đồng, việc mua bán chuyển nhượng hoàn toàn hợp pháp. Ngày 08/12/2010 Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất này. Khi mua bán chuyển nhượng ông được biết vợ chồng ông H1 bà L1 đã ly hôn từ năm 2001, nhà đất này bà L1 được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2010 nên ông mua. Ông không biết nhà đất này có liên quan đến Ông Thân Quang H1.

Nay Ông Thân Quang H1 đề nghị Tòa án hủy việc mua bán nhà đất này giữa ông và bà L1 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, ông không đồng ý.

Ông đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và bà L1 có hiệu lực.

Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông và bà L1 vô hiệu, ông đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, ông đề nghị Bà Nguyễn Thị L1 phải trả lại ông số tiền bà L1 đã nhận của ông và yêu cầu bà L1 bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Theo yêu cầu của ông Q, ngày 11/01/2017, Hội đồng định giá đã xác định nhà đất SM có diện tích 63,6 m² tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75, trên đất có 1 nhà cấp 4, 1 bếp loại B, tổng trị giá là 597.192.000 đồng (Năm trăm chín mươi bảy triệu, một trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Cụ Nguyễn Hữu V1 (Cha Bà Nguyễn Thị L1) trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày: Tài sản gồm: 01 nhà trần diện tích 32, 01 m²; nhà trần diện tích 30 m² và 01 nhà cấp 4 diện tích 24 m² mà Ông Thân Quang H1 đề nghị Tòa án chia là nhà của cụ và cụ Đ1 xây dựng từ trước, hai cụ chỉ cho vợ chồng ông H1 và bà L1 ở nhờ một thời gian. Cụ Nguyễn Hữu V1 đã chết năm 2010.

Cụ Nguyễn Thị Đ1 (mẹ Bà Nguyễn Thị L1) trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày: Nhất trí với ý kiến cụ Nguyễn Hữu V1. Tài sản oanh Hanh đòi chia gồm: 01 nhà trần diện tích 32, 01 m²; nhà trần diện tích 30 m² và 01 nhà cấp 4 diện tích 24 m² là của cụ và cụ Vui. Các cụ chỉ cho vợ chồng ông H1 và bà L1 ở nhờ một thời gian. Cụ Đ1 đã chết năm 2013.

Ủy ban nhân dân thành phố H do ông Nguyễn Văn H2 đại diện trình bày giữ nguyên quan điểm như sau:

Ngày 07/10/2004, Ủy ban nhân dân thị xã H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01522/QĐ số: 1234/QĐ UB-Q12-T111 thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75, diện tích 63,6 m² tại Thôn PH, xã SM cho Bà Nguyễn Thị L1 là dựa trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất xã SM, tờ trình số 29/TT-UB ngày 19/9/2004 của UBND xã SM và tờ trình số 529/TT-ĐC ngày 07/10/2004 của Phòng địa chính. Việc UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà Nguyễn Thị L1 là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 09/11/2010, bà L1 đã chuyển nhượng nhà đất này cho Ông Nguyễn Văn Q. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này đã được Văn phòng Công chứng TL công chứng theo các quy định của pháp luật nên ngày 08/12/2010, Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Nguyễn Văn Q đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố H đề nghị giữ nguyên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Văn phòng Công chứng TL (Nay là Văn Phòng Công chứng TL) do ông Đỗ Đình T - Trưởng Văn phòng đại diện trình bày: Việc Văn phòng Công chứng TL công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bà Nguyễn Thị L1 và Ông Nguyễn Văn Q là đúng quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị K trình bày: Bà và các con bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Ông Nguyễn Hữu C chồng bà, bà các con bà đều biết Ông Thân Quang H1 đang khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung với Bà Nguyễn Thị L1 chị gái ông C nhưng do bà và các con bà không liên quan gì đến các tài sản ông H1 khởi kiện bà L1 nên bà đề nghị Tòa án không triệu tập bà và các con bà vào tham gia tố tụng và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Các ông Nguyễn Hữu C, Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Thanh P đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc theo yêu cầu. không tham gia tố tụng.

- Bà Phạm Thị T, Bà Nguyễn Thị H3 đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành định giá các tài sản cụ thể như sau:

1. Ngày 08/9/2003, Hội đồng định giá định giá các tài sản gồm:

- 01 chiếc máy khoan đã cũ, trị giá 200.000đồng;
- 01 chiếc máy hàn đã cũ, trị giá 200.000đồng ;
- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Dream do Trung quốc sản xuất (Ông Thân Quang H1 đã bán năm 2002) với giá 3.600.000đồng.

2. Ngày 16/7/2003, Hội đồng định giá đã định giá các tài sản trên đất của cụ Nguyễn Hữu V1 cụ Nguyễn Thị Đ1 (Cha mẹ Bà Nguyễn Thị L1) tại HV, phường TX, thành phố H gồm:

- 01 căn nhà trần 32m², xây dựng năm 1988, trị giá 4.000.000đồng.
- 01 căn nhà Trần 30m², xây dựng năm 1999, trị giá 7.000.000đồng.
- 01 căn nhà cấp bốn 24m², xây dựng năm 1999, trị giá 2.000.000đồng.

3. Ngày 23/08/2013 định giá tài sản nhà đất SM gồm:

- Đất 63,6m² x 3.500.000đồng/m² = 222.600.000đồng
- Nhà cấp bốn loại 5 lợp mái tôn diện tích: 40,71m² x 1.910.000đồng/m² x 30% = 23.327.000đồng.
- Nhà bếp loại B diện tích: 21,78m² x 730.000đồng x 50% = 7.950.000đồng.

Tổng cộng đất và tài sản trên đất là: 253.877.000 đồng.

Giá thực tế chuyển nhượng đất và tài sản trên đất tại địa phương là 400.000.000đồng.

4. Ngày 11/01/2017, theo yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn Q, Hội đồng định giá đã định giá lại tài sản là nhà đất SM này trị giá 597.192.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần hỏi nhưng Ông Thân Quang H1 và Bà Nguyễn Thị L1 đều không đề nghị định giá lại tài sản.

Toà án cũng đã nhiều lần hoà giải nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 17/2017/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh bắc Giang đã xử:

Áp dụng các Điều: 33, Điều 37, Điều 38, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 219; Điều 697 và Điều 698 Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 28; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Thân Quang H1 về việc yêu cầu chia tài sản chung của ông H1 và bà L1;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của Bà Nguyễn Thị L1 về việc yêu cầu chia tài sản chung của ông H1 và bà L1.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ông Nguyễn Văn Q: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bà Nguyễn Thị L1 và Ông Nguyễn Văn Q đối với diện tích đất 63,6 m² tại Thôn PH, xã SM, trên đất có 1 nhà cấp 4 diện tích 40,71 m²; 1 bếp loại B diện tích 21,78 m². Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng TL, nay là văn phòng công chứng TL có hiệu lực thi hành.

Giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01522/QĐ số: 1234/QĐ UB-Q12-T111 tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75, diện tích 63,6 m² tại Thôn PH, xã SM đã cấp cho bà L1, hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà L1 với ông Q và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00194-QĐ số 3019/QĐ-UBND-Q02-T04 ngày 08/12/2010 cấp cho ông Q

4. Xác nhận 597.192.000 đồng trị giá nhà và đất gồm 63,6 m² tại Thôn PH, xã SM, trên đất có 1 nhà cấp 4 diện tích 40,71 m²; 1 bếp loại B diện tích 21,78 m², hiện bà L1 đang quản lý là tài sản chung của ông H1 và bà L1.

Bà Nguyễn Thị L1 phải trích chia tài sản cho Ông Thân Quang H1 là 198.000.000 đồng (một trăm chín mươi tám triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị L1 được hưởng 399.192.000 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng)

5 - Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Thân Quang H1 về việc đề nghị xác định các tài sản khu phố HV, phường TX trên đất gồm: 01 nhà trần diện tích 32 m²; 01 nhà trần diện tích 30 m²; 01 nhà cấp 4 diện tích 24 m² là tài sản chung của ông H1 và bà L1 và đề nghị chia số tài sản này.

Bác yêu cầu của ông H1 về việc: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01522/QĐ số: 1234/QĐ UB-Q12-T111 tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75, diện tích 63,6 m² tại Thôn PH, xã SM đã cấp cho bà L1; hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà L1 với ông Q và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00194-QĐ số 3019/QĐ-UBND-Q02-T04 ngày 08/12/2010 cấp cho ông Q.

6 - Ông Thân Quang H1 phải chịu toàn bộ tiền chi phí định giá tài sản là 1.460.000 đồng, xác nhận ông H1 đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Văn Q chịu 300.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản và 2.000.000 đồng tiền chi phí định giá lại vào ngày 11/01/2017, xác nhận đã nộp đủ.

7 - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị định số: 70/CP ngày 12/6/1997 về án phí, lệ phí của Chính phủ.

- Buộc Ông Thân Quang H1 phải chịu 400.000 đồng án phí do yêu cầu không được chấp nhận: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01522/QĐ số: 1234/QĐ UB-Q12-T111 tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75, diện tích 63,6 m² tại Thôn PH, xã SM đã cấp cho bà L1; hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà L1 với ông Q và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00194-QĐ số 3019/QĐ-UBND-Q02-T04 ngày 08/12/2010 cấp cho ông Q và 9.900.000 đồng án phí chia tài sản. Tổng cộng: 10.300.000 đồng, nhưng được trừ và số tiền 50.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: No 006869 ông H1 đã nộp ngày 26/9/2002 và 400.000 đồng số tiền tạm ứng án theo biên lai số AA/2014/0000329 ngày 24/8/2015, ông H1 còn phải nộp tiếp 9.850.000 đồng

- Buộc Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 19.959.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản.

- Trả Ông Nguyễn Văn Q 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp tại biên lai số: AA/2010/001882 ngày 26/8/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 18/4/2017, bị đơn Bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm với lý do Bản án xử không thỏa đáng yêu cầu của bà.

Ngày 19/4/2017, nguyên đơn Ông Thân Quang H1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì xử không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 28/4/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang kháng nghị Bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí, điều luật áp dụng và ghi trích yếu bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn Ông Thân Quang H1 không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo; bị đơn Bà Nguyễn Thị L1 không rút kháng cáo; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa không rút kháng nghị.

Nguyên đơn Ông Thân Quang H1 trình bày:

Ông không đồng ý với Bản án sơ thẩm vì Bản án sơ thẩm xử không đúng yêu cầu của ông. Cụ thể ông đề nghị Tòa án chia tài sản chung của ông và bà L1 gồm:

1. Đất ở diện tích 63, 6 m² tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75, địa chỉ tại Thôn PH, xã SM, thành phố H, tỉnh Bắc Giang. Trên đất có 1 nhà cấp 4 và 1 nhà bếp loại B đã cũ (Gọi là nhà đất SM). Nhà đất này trước đây ông và Bà Nguyễn Thị L1 mua của vợ chồng ông Nguyễn Tiến C1 từ năm 1996.

2. 03 ngôi nhà ông và Bà Nguyễn Thị L1 làm trên đất của cụ Nguyễn Hữu V1 cụ Nguyễn Thị Đ1 là cha mẹ bà L1 gồm 01 nhà trần diện tích 32 m² xây dựng năm 1988 trị giá 4 triệu đồng; 01 nhà trần diện tích 30 m² xây năm 1999 trị giá 7 triệu đồng và 01 nhà cấp 4 diện tích 24 m² xây năm 1999 trị giá 2 triệu đồng. (Gọi là nhà HV).

Ngoài ra ông còn yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09/11/2010 giữa bên bán là Bà Nguyễn Thị L1 với bên mua là Ông Nguyễn Văn Q đối với nhà đất SM. Yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01522/QĐ số: 1234/QĐ UB-Q12-T111 Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho Bà Nguyễn Thị L1 và yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00194-QĐ số 3019/QĐ-UBND-Q02-T04 ngày 08/12/2010, Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho Ông Nguyễn Văn Q. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết hết các yêu cầu của ông.

Nay ông kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia cho ông được sở hữu sử dụng nhà đất tại SM trước đây năm 1996 ông và bà L1 mua của vợ chồng ông Nguyễn Tiến C1 bà Nguyễn Thị T2 còn bà L1 sở hữu những tài sản còn lại. Ông đồng ý chia chênh lệch tài sản cho Bà Nguyễn Thị L1 bằng tiền. 03 căn nhà xây trên đất của cụ Vui cụ Đ1 cha mẹ bà L1 ông đồng ý để cho các con ở và không yêu cầu trích chia công sức.

Ông H1 khẳng định nhà SM là tài sản chung của ông và bà L1, việc bà L1 tự ý xin cấp và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà đất này sau đó tự ý bán cho Ông Nguyễn Văn Q, ông Q cũng đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không biết nên đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thị xã H đã cấp cho Bà Nguyễn Thị L1; hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà đất này đã ký giữa Bà Nguyễn Thị L1 và Ông Nguyễn Văn Q và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho Ông Nguyễn Văn Q đối với nhà đất này của ông và Bà Nguyễn Thị L1.

Nếu không thì đề nghị Tòa án hủy Bản án sơ thẩm.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà không nhất trí với kháng cáo của Ông Thân Quang H1.

Nhà đất SM do cá nhân bà vay nợ tiền của nhiều người để mua của vợ chồng ông Nguyễn Tiến C1 bà Nguyễn Thị T2 năm 1996, khi đó bà và ông H1 đã sống ly thân, kinh tế độc lập, ông H1 không đưa tiền cho bà mua nhà đất này nên nhà đất này là của riêng bà. Khi làm hợp đồng chuyển nhượng nhà đất này, ông H1 không biết, “Văn tự mua bán nhà đất” lập giữa bên bán là vợ chồng ông Nguyễn Tiến C1 bà Nguyễn Thị T2 bên mua tên là bà Nguyễn Thị L1. Ông H1

không ký vào “Văn tự” này. Chữ ký “H1” dưới mục người chồng bên mua trong “Văn tự mua bán nhà đất” này là do bà ký; chữ “Thân Quang H1” dưới chữ ký “H1” do ông Nguyễn Tiến C1 là người bán nhà đất này cho bà viết. Nên bà không đồng ý yêu cầu chia nhà đất này cho Ông Thân Quang H1. Bà cũng không đồng ý với yêu cầu của Ông Thân Quang H1 đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thị xã H đã cấp cho bà; hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà đất này đã ký giữa bà với Ông Nguyễn Văn Q và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho Ông Nguyễn Văn Q.

03 căn nhà trên đất của cha mẹ bà là cụ V cụ Đ1 tại HV, phường TX, thành phố H là nhà đất của cha mẹ bà không liên quan gì đến Ông Thân Quang H1, khi bà và ông H1 kết hôn do quá khó khăn nên cha mẹ bà chỉ cho vợ chồng ở nhờ một thời gian ngắn. Nhà đất này không phải tài sản của bà và ông H1 nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ông Thân Quang H1.

Bà Nguyễn Thị L1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án chia các tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và Ông Thân Quang H1. Những tài sản này sau khi bà và ông H1 ly hôn, ông H1 quản lý sử dụng gồm:

1. Đất ở tại Thôn PH, xã SM vợ chồng thuê năm 2001, sau đó Ủy ban nhân dân xã SM đã bán thanh lý cho vợ chồng bà và ông H1. Sau này, ông H1 nộp nốt số tiền mua đất còn lại sau khi đã được Nhà nước trừ cho số tiền bà và ông H1 đã đóng khi vợ chồng còn chung sống. Đất này hiện ông H1 và vợ 2 ông H1 là Bà Nguyễn Thị H3 đang ở và đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Các tài sản khác gồm:

- 25 triệu đồng và 3 chỉ vàng tiền vốn;
- 02 chiếc máy hàn,
- 01 chiếc máy khoan,
- 01 chiếc máy phun sơn,
- 01 chiếc máy cắt,
- 01 chiếc máy mài,
- 01 chiếc đe sắt con rùa,
- 06 thanh sắt dây làm hàng sắt,
- 01 chiếc xe mô tô Dream nhãn hiệu Trung Quốc,
- 01 chiếc quạt,
- 01 chiếc giường lim,
- 01 chiếc tủ sắt,
- 02 vại gạch và xi măng,

- 01 lô đất mua của nhà bà T - T ông đã bán cho nhà chị Thân Thị D được 18.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L1 thừa nhận mặc dù đã được Tòa án yêu cầu nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia các tài sản này nhưng vì kinh tế khó khăn, bà phải nuôi các con ăn học tại Hà Nội, mặt khác ông H1 là người có yêu cầu khởi kiện chia tài sản trước thì bà mới yêu cầu chia tài sản nên bà đã không nộp tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án.

Bà đề nghị Tòa án bác yêu cầu chia tài sản của Ông Thân Quang H1, đôi bên giữa bà và ông H1 không bên nào phải chia tài sản cho bên nào.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến

Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Do Bản án sơ thẩm xử tính án phí buộc các đương sự phải chịu số tiền lớn hơn quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tính lại án phí các đương sự phải chịu theo đúng qui định của pháp luật

Bản án sơ thẩm áp dụng điều luật để giải quyết vụ án chưa đầy đủ, rõ ràng, và ghi trích yếu bản án không đúng quy định tại Mẫu số 52 Nghị quyết số 01/2017/HDDTP-TANDTC đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần này.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị số 09/2017/KNPT-DS ngày 28/4/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Thân Quang H1, chấp nhận một phần kháng cáo của Bà Nguyễn Thị L1; áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản án sơ thẩm theo hướng Kháng nghị đã phân tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm Ông Nguyễn Văn Q người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nhưng không kháng cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của Bà Nguyễn Thị L1 không đồng ý Bản án sơ thẩm xác định thửa đất 63,6m² tại Thôn PH (Khu 34), xã SM, thành phố H, tỉnh Bắc

Giang. Trên đất có nhà cấp 4 và bếp loại B (Gọi tắt là nhà đất SM) là tài sản chung của bà và Ông Thân Quang H1 thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà Nguyễn Thị L1 thừa nhận chính bà là người ký tên thay Ông Thân Quang H1 vào mục bên mua nhà đất tại “Văn Tự mua bán nhà đất” lập ngày 09/5/1996 này giữa bên bán nhà đất này là vợ chồng Nguyễn Tiến C1 bà Nguyễn Thị T2, bên mua là vợ chồng Bà Nguyễn Thị L1 Ông Thân Quang H1 điều đó chứng tỏ ý thức của Bà Nguyễn Thị L1 là bà và ông H1 cùng mua nhà đất này của vợ chồng ông Nguyễn Tiến C1 bà Nguyễn Thị T2. Mặt khác, việc mua nhà đất này được thực hiện năm 1996 khi đó ông H1 và bà L1 vẫn là vợ chồng. Điều 14 Hôn nhân và Gia đình năm 1986 quy định “Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ hoặc chồng tạo ra, thu nhập về nghề nghiệp và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được cho chung”. Bản án sơ thẩm xác định thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75 địa chỉ tại tại Thôn PH (Khu 34), xã SM có diện tích 63,5m², trên đất có nhà cấp 4 và bếp loại B là tài sản chung của Ông Thân Quang H1 và Bà Nguyễn Thị L1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị L1 cho rằng nhà đất SM là tài sản riêng của bà.

[2] Xét kháng cáo của Ông Thân Quang H1 không đồng ý Bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thị xã H đã cấp cho Bà Nguyễn Thị L1; hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà đất này đã ký giữa bà L1 với Ông Nguyễn Văn Q và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho Ông Nguyễn Văn Q thấy:

Ngày 09/11/2010, Bà Nguyễn Thị L1 chuyển nhượng nhà đất này cho Ông Nguyễn Văn Q giá 400.000.000 đồng. Việc mua bán chuyển nhượng được thực hiện sau khi ông H1 và bà L1 ly hôn (Năm 2001). Khi chuyển nhượng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất này đứng tên Bà Nguyễn Thị L1 nên Ông Nguyễn Văn Q là người không có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng mua bán. Mặt khác, tại quyết định của Tòa án nhân dân thị xã H công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa Ông Thân Quang H1 với Bà Nguyễn Thị L1 quyết định buộc ông H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà L1 200.000 đồng/01 tháng nhưng tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông H1 đã chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của mình. Do vậy, Bà Nguyễn Thị L1 buộc phải bán nhà đất SM như bà L1 khai một phần để trả nợ, một phần để nuôi con tức là thực hiện một phần nghĩa vụ chung của cả ông H1 và bà L1. Do vậy, mặc dù ông H1 không biết việc bà L1 bán nhà đất này cho ông Q nhưng giữa ông Q và bà L1 đã thực hiện xong 100% hợp đồng, bà L1 sử dụng tiền bán nhà vào mục đích chính đáng, Ông

Nguyễn Văn Q đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật nên Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông Nguyễn Văn Q là phù hợp thực tiễn, tránh thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và đúng quy định pháp luật. Do vậy không có căn cứ chấp nhận các nội dung kháng cáo này của Ông Thân Quang H1.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Thân Quang H1 đề nghị Tòa án xác định nhà đất ông kiện đòi chia tài sản nằm trên đất của cụ V1 cụ Đ1 là tài sản chung của ông và bà L1 và ông đề nghị để cho các con chung của ông và bà L1 tiếp tục quản lý sử dụng nhưng ông H1 không đưa ra được căn cứ xác định tài sản này thuộc quyền sở hữu của Ông Thân Quang H1 và Bà Nguyễn Thị L1 nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo này của Ông Thân Quang H1.

[4] Xét kháng cáo của Bà Nguyễn Thị L1 không đồng ý Bản án sơ thẩm xử yêu cầu chia các tài sản chung của bà L1 thấy:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn Bà Nguyễn Thị L1 có yêu cầu Tòa án buộc Ông Thân Quang H1 phải chia cho bà các tài sản chung của vợ chồng giữa bà và ông H1 trong thời kỳ hôn nhân sau khi ly hôn năm 2001, ông H1 tiếp tục quản lý, sử dụng gồm:

1. Đất ở tại Thôn PH, xã SM vợ chồng thuê năm 2001, sau đó Ủy ban nhân dân xã SM đã bán thanh lý cho vợ chồng bà và ông H1. Sau này, ông H1 nộp nốt số tiền mua đất còn lại sau khi đã được Nhà nước trừ cho số tiền bà và ông H1 đã đóng khi vợ chồng còn chung sống. Đất này hiện ông H1 và vợ 2 ông H1 là Bà Nguyễn Thị H3 đang ở và đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Các tài sản khác gồm:

- 25 triệu đồng và 3 chỉ vàng tiền vốn;
- 02 chiếc máy hàn,
- 01 chiếc máy khoan,
- 01 chiếc máy phun sơn,
- 01 chiếc máy cắt,
- 01 chiếc máy mài,
- 01 chiếc đe sắt con rùa,
- 06 thanh sắt dây làm hàng sắt,
- 01 chiếc xe mô tô Dream nhãn hiệu Trung Quốc,
- 01 chiếc quạt,
- 01 chiếc giường lim,
- 01 tủ sắt,

- 02 vạn gạch và xi măng,
- 01 lô đất mua của nhà bà Tâm Thu ông đã bán cho nhà chị Thân Thị D được 18.500.000 đồng.

Nhưng trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án yêu cầu nộp tạm ứng án phí và chi phí định giá tài sản đối với yêu cầu chia các tài sản này nhưng Bà Nguyễn Thị L1 đã không nộp tạm ứng án phí, chi phí tố tụng theo yêu cầu của Tòa án. Lẽ ra, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án, Toàn án sơ thẩm không thụ lý, giải quyết các yêu cầu này của Bà Nguyễn Thị L1. Tuy vậy do xác định các yêu cầu này có liên quan tới yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án sơ thẩm đã thụ lý giải quyết là chưa chính xác. Việc tại phiên tòa phúc thẩm, bà L1 khai rõ ràng là bà không nộp tạm ứng án phí trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu chia tài sản là tình tiết mới, Tòa án cấp sơ thẩm không biết được nên Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi trong việc này. Tuy vậy, để đảm bảo giải quyết đúng quy định nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của Bà Nguyễn Thị L1. Cần căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu này của Bà Nguyễn Thị L1. Bà Nguyễn Thị L1 có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác yêu cầu chia Tòa án buộc Ông Thân Quang H1 trích chia các tài sản này khi có đủ điều kiện vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1 theo quy định của pháp luật.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang thấy:

Bản án sơ thẩm trích chia cho Ông Thân Quang H1 được hưởng tài sản trị giá 198.000.000 đồng nhưng buộc ông H1 phải chịu 9.900.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật. Tương tự việc buộc Bà Nguyễn Thị L1 chịu án phí 19.950.000 đồng cũng vượt quá mức quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm buộc ông H1 chịu án phí đối với yêu cầu hủy quyết định cá biệt không được chấp nhận là không đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận kháng nghị của VTVKSND tỉnh Bắc Giang, sửa bản án sơ thẩm về phần này.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm viết bản án đúng mẫu quy định và áp dụng đầy đủ, chính xác quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Do kháng cáo và kháng nghị được chấp nhận sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được tính toán lại theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Thân Quang H1; chấp nhận một phần kháng cáo của Bà Nguyễn Thị L1; chấp nhận toàn bộ kháng nghị số 09/2017/QDDKNDS-PT ngày 28/4/2017 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào khoản điểm đ khoản 1 Điều 217; Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DSST - HNGĐ ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của Bà Nguyễn Thị L1 đối với Ông Thân Quang H1.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều: 27, Điều 28, Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 219; Điều 697 và Điều 698 Bộ luật dân sự năm 2005.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Thân Quang H1.

2. Xác định nhà đất SM có diện tích 63,6m² tại Khu 34 xã SM, thành phố H, tỉnh Bắc Giang trị giá 587.192.000 đồng Bà Nguyễn Thị L1 đã bán cho Ông Nguyễn Văn Q là tài sản chung của Ông Thân Quang H1 Bà Nguyễn Thị L1.

3. Giao cho bà L1 quản lý sử dụng toàn bộ số tiền đã bán nhà đất cho Ông Nguyễn Văn Q.

4. Buộc Bà Nguyễn Thị L1 trích chia chênh lệch tài sản cho Ông Thân Quang H1 số tiền 200.000.000 đồng.

5. Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Thân Quang H1 đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01522/QĐ số: 1234/QĐ UB-Q12-T111 Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho Bà Nguyễn Thị L1; tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bà Nguyễn Thị L1 với Ông Nguyễn Văn Q lập ngày 09/11/2010 có công chứng của Văn phòng Công chứng TL và yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00194-QĐ số 3019/QĐ-UBND-Q02-T04 ngày 08/12/2010, Ủy ban nhân dân thành phố H đã cấp cho Ông Nguyễn Văn Q

6. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký giữa Bà Nguyễn Thị L1 và Ông Nguyễn Văn Q lập ngày 09/11/2010.

7. Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Thân Quang H1 đề nghị chia tài sản chung của ông H1 với Bà Nguyễn Thị L1 là 03 căn nhà trên đất của cụ Nguyễn Hữu V1 cụ Nguyễn Thị Đ1 là cha mẹ bà L1 gồm 01 nhà trần diện tích 32m² xây dựng năm 1988 trị giá 4.000.000 đồng; 01 nhà trần diện tích 30m² xây năm 1999 trị giá 7.000.000 đồng và 01 nhà cấp 4 diện tích 24m² xây năm 1999 trị giá 2.000.000 đồng.

8. Ông Thân Quang H1 phải chịu toàn bộ tiền chi phí định giá tài sản là 1.460.000 đồng, xác nhận ông H1 đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Văn Q chịu 300.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản và 2.000.000 đồng tiền chi phí định giá lại vào ngày 11/01/2017, xác nhận đã nộp đủ.

9. Về án phí: Áp dụng Điều 7; Điều 11 Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 về án phí, lệ phí của Chính phủ; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Buộc Ông Thân Quang H1 phải chịu 9.000.000 đồng án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền 50.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: No 006869 ông H1 đã nộp ngày 26/9/2002 và 400.000 đồng tiền tạm ứng án theo biên lai số AA/2014/0000329 ngày 24/8/2015, ông H1 còn phải nộp tiếp 8.550.000 đồng

- Buộc Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 14.915.760 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản.

- Trả Ông Nguyễn Văn Q 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp tại biên lai số: AA/2010/001882 ngày 26/8/2011 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Bắc Giang.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông H1 300.000 đồng tiền tạm ứng phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/06195 ngày 20/4/2017 tại Chi cục thi hành dân sự thành phố H, tỉnh Bắc Giang.

Hoàn trả bà L1 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/06191 ngày 18/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS T.P Bắc Giang;
- TAND TP. Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Hiền

